

KẾ HOẠCH HỌC TẬP KHÓA 47

Ngành học: Sư phạm Địa lý

Mã ngành: 7140219

Đơn vị quản lý: Khoa Sư phạm

Hệ đào tạo chính quy

Bộ môn: Sư phạm Địa lý

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tiết LT	Tiết TH	HP tiên quyết	HP song hành	Ghi chú
Học kỳ 1										
1	QP010	GD quốc phòng & an ninh 1 (*)	2	2		37	8	Bố trí theo nhóm ngành		
2	QP011	GD quốc phòng & an ninh 2 (*)	2	2		22	8	Bố trí theo nhóm ngành		
3	QP012	GD quốc phòng & an ninh 3 (*)	3	3		14	16	Bố trí theo nhóm ngành		
4	QP013	GD quốc phòng & an ninh 4 (*)	1	1		4	56	Bố trí theo nhóm ngành		
5	SP009	Tâm lý học đại cương	2	2		30				
6	SG130	Bản đồ học	3	3		15	60			
		Cộng	13	13						
Học kỳ 2										
7	ML014	Triết học Mác-Lênin	3	3		45				
8	TC100	Giáo dục thể chất 1 (*)	1		1		30			SV chọn
9	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4	4		60				SV tự chọn
	XH004	Pháp văn căn bản 1 (*)	4			45				
10	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15				
11	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2			60		TN003	
12	SP010	Tâm lý học sư phạm	2	2		20	20	SP009		
13	SP015	Địa chất đại cương	2	2		15	30			
14	SG317	Khoa học Trái Đất	2	2		30				
15	SG316	Trắc địa cơ bản	2	2		15	30			
		Cộng	19	14	5					
Học kỳ 3										
16	ML016	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2		30		ML014		
17	TC100	Giáo dục thể chất 2 (*)	1		1		30			SV chọn
18	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3	3		45		XH023		SV tự chọn
	XH005	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45		XH004		
19	SP079	Giáo dục học	3	3		45		SP010		
20	SG318	Thạch quyền	2	2		30				
21	SG319	Khí quyền	2	2		30				
22	SG320	Thủy quyền	2	2		30				
23	SG321	Thổ nhưỡng quyền	2	2		30				
24	SG322	Sinh quyền	2	2		30				
		Cộng	19	15	4					
Học kỳ 4										
25	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016		
26	TC100	Giáo dục thể chất 3 (*)	1		1		30			SV chọn
27	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3	3		45		XH024		SV tự chọn
	XH006	Pháp văn căn bản 3 (*)	3			60		XH005		
28	SG131	Hoạt động GD trong nhà trường	2	2		15	30	SP079		
29	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30				

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tiết LT	Tiết TH	HP tiên quyết	HP song hành	Ghi chú
30	SG323	Địa lý tự nhiên các châu 1	2	2		30		SG317		
31	SG324	Địa lý tự nhiên các châu 2	2	2		30		SG317	SG323	
32	SG420	Lý luận dạy học Ngữ văn và khoa học xã hội	2	2		30		SP079		
33	SG325	Địa lý KT-XH đại cương	4	4		60				
		Cộng	20	16	4					
Học kỳ 5										
34	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt	2	2		30		ML006		
35	SG186	Kiến tập sư phạm	2	2			60	SP079		
36	ML007	Logic học đại cương	2		2	30				
	XH028	Xã hội học đại cương	2			30				
	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30				
	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30				
	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại	2			30				
	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20			
	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20			
37	SG423	Đánh giá kết quả học tập Ngữ văn và khoa học xã hội	2	2		15	30	SP079		
38	SG111	Phương pháp dạy học địa lý	2	2		15	30	SG110		
39	SP477	Địa lý tự nhiên Việt Nam	3	3		45		SG317		
40	SP480	Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam	4	4		60				
41	SG327	Hệ thống tin địa lý - GIS	3	3		15	60	SG130		
		Cộng	20	18	2					
Học kỳ 6										
42	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019		
43	SG429	Phát triển chương trình giáo dục Ngữ văn và khoa học xã hội	2	2		30				
44	SG312	Kỹ thuật dạy học địa lý	3	3		15	60	SG110		
45	SG326	Thực tế ngoài trường địa lý	3	3			90	SP480		
46	SG308	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Địa lý	2	2		15	30			
47	SP481	Địa lý kinh tế - xã hội thế giới 1	3	3		45				
48	SP482	Địa lý kinh tế - xã hội thế giới 2	3	3		45			SP481	
49	SG114	Giáo dục so sánh và giáo dục bền vững	2		2	30		SP079		
	SG394	Giáo dục hòa nhập	2			30				
		Cộng	20	18	2					
Học kỳ 7										
50	SG011	Quản lý HCNN và quản lý ngành GD&ĐT	2	2		30				
51	SG309	Tập giảng Địa lý	2	2			60			
52	SG439	Phương pháp nghiên cứu khoa học Giáo dục	2	2		15	30			
53	SG313	Toán ứng dụng cho Địa lý	3	3		15	60			
54	SP220	Anh văn chuyên môn Địa lý	2		2	30		XH025		SV tự chọn
55	XH019	Pháp văn chuyên môn KH&CN	2			30		XH006		
56	SP473	Địa lý du lịch	2	2		15	30			

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tiết LT	Tiết TH	HP tiên quyết	HP song hành	Ghi chú
57	XH137	Dân số và phát triển	2		2	30				
	SG315	Di cư an toàn	2			30				
58	SG329	Dân cư và môi trường Đồng bằng sông Cửu Long	2		2	30				
	SG457	Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học Địa lý	2			15	30			
		Cộng	17	11	6					
Học kỳ 8										
59	SP598	Thực tập Sư phạm	3	3			90	SG309, G597		
60	SP493	Luận văn tốt nghiệp - Địa lý	10		> 10		300	> 105 TC		SV tự chọn làm LVTN, TLTN hoặc HP thay thế
	SP492	Tiểu luận tốt nghiệp - Địa lý	4				120	> 105 TC		
	SP016	Địa danh Việt Nam	2			15	30			
	SG331	Di sản thế giới	2			30				
	SG332	Địa lý Đông Nam Á	2			30				
	SP017	Địa lý chính trị	2			30				
	SG359	Địa lý cảnh quan	2			30				
	SG356	Sử dụng số liệu thống kê trong dạy học địa lý	2			15	30			
		Cộng	13	3	10					
		Tổng	141	108	33					

(*): các học phần điều kiện không tính điểm trung bình chung tích lũy

Cần Thơ, ngày 27 tháng 8 năm 2021

Hội đồng KH&ĐT
Chủ tịch

Khoa Sư phạm
Trưởng Khoa

Bộ môn Sư phạm Địa lý
Trưởng Bộ môn



Lâm Quốc Anh



Huỳnh Anh Huy



Lê Văn Nhung